

Phần 1 — Đại cương & Nguyên nhân

Câu 1 Câu 1. Viêm phổi là tình trạng nhiễm khuẩn của bộ phận nào?

A. Chỉ phế quản lớn

B. Nhu mô phổi: phế nang, ống phế nang, tiểu phế quản tận cùng

C. Màng phổi

D. Đường thở trên

Câu 2 Câu 2. Đặc trưng tổn thương giải phẫu trong viêm phổi là:

A. Xơ hóa phổi

B. Khối đông đặc nhu mô phổi

C. Giãn phế quản

D. Thũng phế nang

Câu 3 Câu 3. Nguyên nhân gây viêm phổi hay gặp nhất là:

A. Virus

B. Nấm

C. Vi khuẩn

D. Ký sinh trùng

Câu 4 Câu 4. Vi khuẩn gây viêm phổi phổ biến nhất là:

A. *Staphylococcus aureus*

B. *Streptococcus pneumoniae*

C. *Klebsiella pneumoniae*

D. *Hemophilus influenzae*

Câu 5 Câu 5. Trường hợp nào sau đây KHÔNG phải yếu tố thuận lợi gây viêm phổi?

- A. Hút thuốc lá
- B. Tuổi cao, suy kiệt
- C. Thể thao đều đặn
- D. Nằm lâu, thở máy

Câu 6 Câu 6. Triệu chứng toàn thân điển hình của viêm phổi bao gồm:

- A. Sốt cao, mệt mỏi, chán ăn, môi khô
- B. Chỉ ho khan không sốt
- C. Sốt thấp kéo dài không rõ nguyên nhân
- D. Đau khớp, ban đỏ da

Câu 7 Câu 7. Đờm điển hình ở viêm phổi là:

- A. Đờm trong, trắng
- B. Đờm mủ màu vàng, xanh, rỉ sắt
- C. Đờm bọt hồng
- D. Đờm giống nước rửa thịt

Câu 8 Câu 8. Hội chứng đông đặc phổi khi khám thực thể thể hiện:

- A. Gõ trong, rung thanh giảm
- B. Gõ đục, rung thanh tăng, rì rào phế nang giảm
- C. Gõ thùng, rung thanh bình thường
- D. Gõ đục di động, rung thanh giảm

Câu 9 Câu 9. X-quang phổi ở viêm phổi thùy điển hình có hình ảnh:

- A. Đám mờ hình tam giác, đáy ra ngoài, đỉnh vào trong
- B. Đám mờ hình vòng
- C. Nốt mờ rải rác
- D. Mờ kẽ hai phổi

Câu 10 Câu 10. Xét nghiệm nào sau đây phù hợp với viêm phổi do vi khuẩn?

- A. Bạch cầu giảm, CRP bình thường
- B. Bạch cầu tăng, CRP tăng
- C. Bạch cầu bình thường, CRP giảm
- D. Tất cả đều sai

Câu 11 Câu 11. Biến chứng nặng có thể gặp của viêm phổi là:

- A. Sốc nhiễm khuẩn
- B. Xuất huyết tiêu hóa
- C. Suy thận cấp
- D. Viêm khớp thoái hóa

Câu 12 Câu 12. Nguyên tắc điều trị chính của viêm phổi do vi khuẩn là:

- A. Chống dị ứng
- B. Kháng sinh
- C. Corticoid liều cao
- D. Huyết thanh kháng độc tố

Câu 13 Câu 13. Khi có sốc nhiễm khuẩn, biện pháp đúng là:

- A. Hạn chế truyền dịch
- B. Bù dịch + thuốc vận mạch
- C. Chỉ dùng thuốc hạ sốt
- D. Thở oxy lưu lượng thấp

Câu 14 Câu 14. Chẩn đoán điều dưỡng chính cho người bệnh viêm phổi (ho nhiều đờm, khó thở):

- A. Giảm lưu thông đường thở do tăng tiết đờm dãi
- B. Đau do viêm màng tim
- C. Mất ngủ do đau đầu
- D. Suy dinh dưỡng do nôn ói

Câu 15 Câu 15. Để làm loãng đờm, hướng dẫn người bệnh uống bao nhiêu nước mỗi ngày?

- A. 500 ml
- B. 1-1,5 lít
- C. 2-3 lít
- D. Trên 4 lít

Câu 16 Câu 16. Hướng dẫn ho có hiệu quả, tư thế đúng là:

- A. Nằm ngửa duỗi thẳng
- B. Ngồi hơi cúi người về phía trước, gối hông gập
- C. Đứng thẳng tay giơ cao
- D. Nằm nghiêng đầu thấp

Câu 17 Câu 17. Giáo dục sức khỏe sau khi ra viện, người bệnh cần tái khám kiểm tra X-quang sau:

- A. 1 tuần
- B. 4 tuần
- C. 3 tháng
- D. 6 tháng

Câu 18 Câu 18. Tác hại của hút thuốc lá đối với phổi bao gồm:

- A. Tăng tiết nhầy, hủy lông chuyển, ức chế đại thực bào
- B. Chỉ ảnh hưởng đến tim
- C. Giảm chức năng thận
- D. Không ảnh hưởng đến phế quản

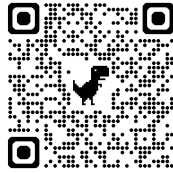
Câu 19 Câu 19. Khi SpO_2 giảm dưới bao nhiêu cần theo dõi sát & hỗ trợ hô hấp?

- A. 95%
- B. 92%
- C. 90%
- D. 88%

Câu 20 Câu 20. Kết quả mong đợi sau điều trị & chăm sóc, ngoại trừ:

- A. Không còn khó thở, sinh tồn bình thường
- B. Đờm trong, ít dần
- C. Hình ảnh X-quang cải thiện
- D. Không bao giờ mắc lại viêm phổi

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**

diemdanh.app